

Bản án số: 51/2023/HS-ST
Ngày 24-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng.

Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cương.

Ông Võ Đức Thành.

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Minh B sinh năm 1973 tại tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký thường trú: khóm X, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký tạm trú: số Y, đường số Z, khu phố M, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị R; có vợ là bà Nguyễn Thị Lan P và có 02 con (sinh năm 2000 và năm 2001); tiền án: ngày 27/9/1997, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 19/HSST); tiền sự: ngày 17/12/2022, bị Công an huyện D, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi đá gà ăn tiền và ngày 08/8/2002, bị Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.000.000 đồng về hành vi tổ chức đặt máy đánh bạc, trò chơi điện tử; bị bắt, tạm giam từ ngày 11/02/2022 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Ông Dương Minh N - Luật sư của Văn phòng Luật sư Dương Minh N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Bị hại:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1977, nơi thường trú: số N1, ấp T, xã B1, huyện T1, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Phước T2, vắng mặt.
2. Ông Trần Chí L1, vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Thanh T3, vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Thị T4, vắng mặt.
5. Bà Nguyễn Thị Thu T5, vắng mặt.
6. Bà Phạm Thị H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 16/3/2020, ông Trần Văn Đ đi đến phòng trọ của ông Trần Phước T2 tại địa chỉ số X, khu phố B2, phường A2, thành phố D1, tỉnh Bình Dương chơi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo Lê Minh B (sống cùng nhà trọ số X) đến rồi cùng ngồi nói chuyện với ông Đ, ông T2 và ông Trần Chí L1 (tên gọi khác là Đ1). Trong lúc nói chuyện, ông Đ nói bị cáo B chơi không đẹp nên bị vợ bỏ nên giữa bị cáo B và ông Đ xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Bị cáo B bỏ về phòng trọ. Khi đi ngang qua phòng trọ của ông Nguyễn Thanh T3, bị cáo B đi vào trong bếp phòng trọ của ông T3 lấy 01 (một) kéo bằng kim loại màu đen, dài khoảng 25cm rồi đi tìm ông Đ. Khi thấy ông Đ đang ngồi trên xe máy gần phòng trọ của ông T2, bị cáo B cầm kéo trên tay phải đâm liên tiếp nhiều nhất (09 nhất) vào vùng ngực, bụng, vai, tay làm ông Đ té ngã xuống đất. Khi ông Đ khom người đứng dậy, bị cáo B tiếp tục cầm kéo đâm vào vùng lưng của ông Đ nhưng ông Đ bỏ chạy thoát. Bị cáo B cầm kéo đi về phòng trọ. Sau đó, bị cáo B điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến khu vực cầu vượt S, phường A2, thành phố D1, tỉnh Bình Dương vút kéo rồi bỏ trốn. Ông Đ được người dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đến ngày 20/3/2020 thì xuất viện. Ngày 20/3/2020, ông Đ làm đơn yêu cầu khởi tố đối với bị cáo B.

Ngày 30/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố D1, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định truy nã bị can số 33 đối với bị cáo B. Ngày 11/02/2022, bị cáo B bị bắt.

Đối với 01 (một) kéo bằng kim loại màu đen, dài khoảng 25cm mà bị cáo B sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0247/TgT/2020 ngày 16/4/2020, Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai kết luận đối với bị hại Trần Văn Đ:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Vết thương thấu ngực gây tổn thương màng phổi phải đã được phẫu thuật dẫn lưu màng phổi phải hiện để lại dày dính màng phổi phải. Tỷ lệ: 20%.

+ Gãy xương sườn số VII bên phải, có mảnh xương rời. Tỷ lệ: 2,5%.

+ Sẹo ngực trái kích thước (01 x 0,3)cm. Tỷ lệ: 01%.

+ Sẹo vùng bụng phải kích thước (2,8 x 0,4)cm. Tỷ lệ: 01%.

+ Sẹo cánh tay trái kích thước (02 x 0,3)cm. Tỷ lệ: 01%.

+ Sẹo cánh tay trái kích thước (01 x 0,3)cm. Tỷ lệ: 01%.

+ Sẹo cánh tay trái kích thước (4 x 0,3)cm. Tỷ lệ: 02%.

+ Sẹo vùng lưng phải kích thước (1,5 x 0,3)cm. Tỷ lệ: 01%.

+ Sẹo vùng lưng phải kích thước (1,8 x 0,5)cm. Tỷ lệ: 01%.

+ Sẹo vùng lưng phải kích thước (2,2 x 0,6)cm. Tỷ lệ: 02%.

+ Sẹo vai phải kích thước (3,5 x 0,3)cm. Tỷ lệ: 02%.

+ Sẹo mổ dẫn lưu khoang liên sườn V ngực phải kích thước (02 x 01)cm. Tỷ lệ: 02%.

+ Tự dịch thành bụng vùng hố chậu phải kích thước (3,7 x 0,9)cm (dị vật phân mềm) không di chứng. Tỷ lệ: 01%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định đối với bị hại Trần Văn Đ là 33% (ba mươi ba phần trăm).

- Kết luận khác: vật gây thương tích là vật sắc nhọn.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 316/GĐHS/2022 ngày 28/4/2022, Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai kết luận đối với bị hại Trần Văn Đ:

Cơ chế hình thành vết thương:

- Vết thương thành sẹo ngực trái kích thước (01 x 0,3)cm. Tổn thương này do vật sắc nhọn tác động lực vừa đủ vào vùng ngực trái theo hướng từ trước ra sau, từ ngoài vào trong gây nên.

- Vết thương thành sẹo dưới rốn vùng bụng phải kích thước (2,8 x 0,4)cm. Tổn thương này do vật sắc nhọn tác động lực vừa đủ vào vùng bụng phải theo hướng từ trước ra sau, từ ngoài vào trong gây nên.

- Vết thương thành sẹo vai phải kích thước (3,5 x 0,3)cm. Tổn thương này do vật sắc nhọn tác động lực vừa đủ vào vùng vai phải theo hướng từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong gây nên.

- 03 vết thương thành sẹo cánh tay trái kích thước: (02 x 0,3)cm; (01 x 0,3)cm; (04 x 0,3)cm:

+ Vết thương thành sẹo 1/3 trên mặt trước cánh tay trái kích thước (02 x 0,3)cm. Tổn thương này do vật sắc hoặc vật sắc nhọn tác động lực vừa đủ vào vùng 1/3 trên mặt trước cánh tay trái theo hướng từ trước ra sau, từ ngoài vào trong gây nên.

+ Vết thương thành sẹo 1/3 giữa mặt ngoài cánh tay trái kích thước (01 x 0,3)cm. Tổn thương này do vật sắc hoặc vật sắc nhọn tác động lực vừa đủ vào vùng 1/3 giữa mặt ngoài cánh tay trái theo hướng từ trái qua phải, từ ngoài vào trong gây nên.

+ Vết thương thành sẹo 1/3 dưới mặt trước cánh tay trái kích thước (04 x 0,3)cm. Tổn thương này do vật sắc hoặc vật sắc nhọn tác động lực vừa đủ vào vùng 1/3 dưới mặt ngoài cánh tay trái theo hướng từ trái qua phải, từ ngoài vào trong gây nên.

- 03 vết thương thành sẹo vùng lưng phải kích thước: (1,5 x 0,3)cm; (2,2 x 0,6)cm; (1,8 x 0,5)cm:

+ Vết thương thành sẹo vùng lưng phải (bả vai phải) kích thước (1,5 x 0,3)cm. Tổn thương này do vật sắc hoặc vật sắc nhọn tác động lực vừa đủ vào vùng lưng phải (bả vai phải) theo hướng từ sau ra trước, từ ngoài vào trong gây nên.

+ Vết thương thành sẹo vùng lưng phải (trong bả vai phải) kích thước (2,2 x 0,6)cm. Dải xơ xếp phân thùy S6 phổi phải, dày dính màng phổi phải, gãy cung xương sườn số VII bên phải. Tổn thương này do vật sắc nhọn tác động lực vừa đủ vào vùng lưng phải (trong bả vai phải) theo hướng từ sau ra trước, từ ngoài vào trong gây nên.

+ Vết thương thành sẹo vùng lưng phải kích thước (1,8 x 0,5)cm. Tổn thương này do vật sắc hoặc vật sắc nhọn tác động lực vừa đủ vào vùng lưng phải theo hướng từ sau ra trước, từ ngoài vào trong gây nên.

Quá trình điều tra, bị hại Trần Văn Đ yêu cầu bị cáo B bồi thường chi phí điều trị thương tích, chi phí ăn uống trong thời gian điều trị thương tích và bù đắp tổn thất về tinh thần với số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKSND-P2 ngày 01 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định truy tố bị cáo Lê Minh B về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo dùng kéo đâm liên tiếp nhiều nhát vào vùng ngực, bụng, vai, tay của

bị hại đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” thuộc trường hợp chưa đạt. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo có nhân thân xấu, từng 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đến nay chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo có 01 tiền án (ngày 27/9/1997, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, chưa được xóa án tích là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo B phạm tội “Giết người” và áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo B từ 12 (mười hai) năm tù đến 14 (mười bốn) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: bị hại Đ yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 70.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo không có ý kiến tự bào chữa.

Người bào chữa cho bị cáo B trình bày: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đại diện Viện kiểm sát đã làm rõ hành vi, động cơ gây án của bị cáo. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nên người bào chữa không có ý kiến về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, xuất thân trong một gia đình lao động nghèo, có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức các vấn đề xã hội hạn chế. Khi bị cáo nói chuyện với bị hại và những người có mặt tại hôm xảy ra sự việc thì bị cáo hiểu là những người này đang nói xấu bị cáo dẫn đến việc bị cáo kích động nên mới cầm kéo đâm bị hại. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Đ trình bày: thời gian qua bên phía gia đình bị cáo không gọi điện thăm hỏi bị hại, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra cho bị hại là quá nặng nề nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đối đáp.

Bị cáo nói lời sau cùng: hiện tại bị cáo không có vợ, không sống cùng con; bị cáo bị bệnh tim bẩm sinh, có mẹ già đã 80 tuổi. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm về phụng dưỡng mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về lý lịch của bị cáo: tại lý lịch bị can lập ngày 13/7/2020 tại Công an thành phố D1, tỉnh Bình Dương và ngày 17/02/2022 tại Công an huyện D, tỉnh Trà Vinh; danh bản, chỉ bản lập ngày 11/7/2022 tại Công an thành phố D1, tỉnh Bình Dương và lời khai trong quá trình điều tra của bị cáo xác định bị cáo Lê Minh B sinh năm 1973. Tuy nhiên, tại danh bản, chỉ bản lập ngày 30/7/1997 tại Công an huyện D, tỉnh Trà Vinh và tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/HSST ngày 27/9/1997 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh thể hiện bị cáo Lê Minh B sinh năm 1974. Tại Kết luận giám định số 500/KL-KTHS(ĐV) ngày 02/12/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương đã kết luận: dấu vân tay mang tên Lê Minh B, sinh năm 1973 trên các tài liệu giám định (Chứng minh nhân dân số 334241873 ngày 03/8/2015 mang tên Lê Minh B và danh bản, chỉ bản lập ngày 11/7/2022) so với dấu vân tay của Lê Minh B, sinh năm 1974 trên danh bản, chỉ bản lập ngày 30/7/1997 là của cùng một người in ra. Do đó, có căn cứ xác định bị cáo Lê Minh B, sinh năm 1973 trong vụ án này và bị cáo Lê Minh B, sinh năm 1974 trong Bản án hình sự sơ thẩm số 19/HSST ngày 27/9/1997 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh là cùng một người.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo trình bày trước khi bị cáo dùng kéo đâm bị hại thì bị hại đã dùng ghế nhựa đánh vào đầu bị cáo. Căn cứ vào lời khai của bị hại trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với biên bản thực nghiệm điều tra, lời khai của người làm chứng Trần Phước Trường (bút lục số 327, 328) xác định bị hại Đ không có hành vi dùng ghế đánh vào đầu bị hại trước khi bị cáo dùng kéo đâm bị hại. Vì vậy, lời trình bày của bị cáo về việc bị hại dùng ghế đánh vào đầu bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: khoảng 18 giờ ngày 16/3/2020 tại nhà trọ số X, khu phố B2, phường A2, thành phố D1, tỉnh Bình Dương, xuất phát từ mâu thuẫn trong quá trình nói chuyện với bị hại Trần Văn Đ, bị cáo Lê Minh B đã thực hiện hành vi sử dụng 01 (một) kéo bằng kim loại màu đen, dài khoảng 25cm đâm liên tiếp 09 nhát vào vùng ngực,

bụng, vai, tay của bị hại Đ gây thương tích. Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0247/TgT/2020 ngày 16/4/2020, Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định đối với bị hại Trần Văn Đ là 33%.

[4] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm tính mạng của người khác, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ khi nói chuyện với bị hại Đ mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi sử dụng kéo đâm liên tiếp nhiều nhát vào các vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại, thể hiện tính côn đồ, xem thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành nhưng chưa đạt về hậu quả chết người (bị hại Đ không chết là ngoài ý muốn của bị cáo); phạm tội thuộc tình tiết định khung “có tính chất côn đồ”. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: ngày 27/9/1997, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 19/HSST), bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù (theo Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 988/GCN ngày 25/7/1998 của Trại Giam Kênh 5 - Cục V26 – Bộ Nội vụ). Tuy nhiên, tại Công văn số 37/CV-CCTHADS ngày 30/5/2022 và Công văn số 155/CV-CCTHADS ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh xác định Chi cục Thi hành án dân sự huyện D không thụ lý thi hành án đối với Lê Minh B sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú tại Khóm X, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh cũng chính là ông Lê Minh B, sinh năm 1974, địa chỉ tại ấp L2, xã L2, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Mặt khác, tại phiên tòa, bị cáo khai chưa nộp án phí hình sự theo bản án nêu trên. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 53 và khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo thuộc trường hợp đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo bị bệnh tăng huyết áp vô căn (nguyên phát) kèm theo bệnh suy tim, bệnh tim thiếu máu cục bộ mạn, nhồi máu cơ tim cũ (theo hồ sơ bệnh án năm 2018 của bị cáo tại Bệnh viện quận (nay là thành phố) T6, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

[7] Về nhân thân: bị cáo có nhân thân không tốt, ngày 17/12/2002, bị cáo bị Công an huyện D, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về

hành vi đá gà ăn tiền và ngày 08/8/2002, bị Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi tổ chức đặt máy đánh bạc, trò chơi điện tử. Ngày 13/8/2002 và ngày 03/01/2003, bị cáo đã nhận được các quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên (theo Biên bản trao quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 13/8/2002 và ngày 03/01/2003). Tại Công văn số 23/CV-KBDH ngày 17/5/2023 của Kho bạc Nhà nước D, tỉnh Trà Vinh xác định các tờ biên lai thu phạt của bị cáo B (nếu có) của 02 quyết định xử phạt hành chính nêu trên đã thuộc danh mục hết hạn B quản và tiêu hủy nên không có hồ sơ đối chiếu chi tiết bị cáo B có nộp tiền theo quyết định xử phạt hay không. Tại phiên tòa, bị cáo khai do hoàn cảnh khó khăn nên chưa chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên. Căn cứ quy định tại Điều 69 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 thì “Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là một năm, kể từ ngày ra quyết định xử phạt; quá thời hạn này mà quyết định đó không được thi hành thì không thi hành quyết định xử phạt nữa nhưng vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn”. Tại biên bản về việc bỏ địa phương lập ngày 24/11/2003 tại Công an xã L2 xác định bị cáo B đã bỏ địa phương đi không rõ lý do từ khoảng giữa tháng 5 năm 2003. Do đó, có căn cứ xác định bị cáo đã cố tình trốn tránh, trì hoãn thi hành 02 quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên nên thời hiệu thi hành quyết định vẫn còn và đến nay bị cáo vẫn còn 02 tiền sự.

Ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn thời gian dài đã gây khó khăn cho quá trình điều tra, xử lý tội phạm.

[8] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gồm chi phí điều trị thương tích, chi phí ăn uống trong thời gian điều trị thương tích và bù đắp tổn thất về tinh thần với số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Bị cáo gây thiệt hại về sức khỏe cho bị hại nên có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh. Tại phiên tòa, bị cáo B đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Xử lý vật chứng: đối với 01 (một) kéo bằng kim loại màu đen, dài khoảng 25cm mà bị cáo B sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về áp dụng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt

đối với bị cáo và về trách nhiệm dân sự là phù hợp.

[12] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là phù hợp, đối với đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ khác cho bị cáo là chưa phù hợp.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết án và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Minh B phạm tội “Giết người” chưa đạt.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, khoản 1 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Minh B 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 02 năm 2022.

2. Trách nhiệm dân sự:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự,

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Minh B về việc bồi thường chi phí điều trị thương tích, chi phí ăn uống trong thời gian điều trị thương tích và bù đắp tổn thất về tinh thần cho bị hại Trần Văn Đ với số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này,

Bị cáo Lê Minh B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án (2);
- Người tham gia tố tụng (3);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án, NTN, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hoàng